

Tình hình giải ngân tiền DVMTR cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn, nhóm hộ, tổ chức nhận khoán

(Kèm theo Công văn số /UBND-PKT ngày tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch UBND xã Tây Trà Bồng)

STT	Đối tượng nhận khoán	Năm 2024															Năm 2025							
		Số lượng đối tượng	Số lượng hộ gia đình cá nhân, cộng đồng dân cư thôn		Diện tích (ha)		Số lượng tài khoản				Nguồn tiền năm 2024 (nghìn đồng)						Số lượng tài khoản				Nguồn tiền năm 2025 (nghìn đồng)			
			Tổng	Trong đó							Nguồn tiền năm 2024 đã giải ngân	Trong đó		Nguồn tiền còn phải giải ngân	Tỷ lệ % so với tổng số tiền không dùng tiền mặt									
				Dân tộc khác	Dân tộc kinh	Diện tích thực	Diện tích bình quân / đối tượng	Tổng	Tài khoản mở qua hệ thống ngân hàng, bưu điện	Số lượng tài khoản chưa mở		Tỷ lệ % so với tổng số lượng tài khoản ngân hàng, bưu điện	Giải ngân qua hệ thống ngân hàng, bưu điện			Giải ngân bằng tiền mặt	Nguồn tiền năm 2025 đã giải ngân	Giải ngân qua hệ thống ngân hàng, bưu điện	Giải ngân bằng tiền mặt	Tỷ lệ % so với tổng số tiền không dùng tiền mặt				
1	2	3	4=5+6	5	6	7	8	9=10+11	10	11	12	13=14+15	14	15	16	17	18=19+20	19	20	21	22	23	24	25
I	Tổng cộng																							
II	Hộ gia đình cá nhân		28																					
1		Hồ Văn Khánh		Co		0,76	0,62			Chưa		299.666		299.666	0				Chưa		Chưa			
2		Hồ Văn Nhất		Co		1,55	1,26			Chưa		608.999		608.999	0				Chưa		Chưa			
3		Hồ Văn Nguyên		Co		1,51	1,22			Chưa		589.666		589.666	0				Chưa		Chưa			
4		Hồ Văn Tuyên		Co		1,22	0,99			Chưa		478.500		478.500	0				Chưa		Chưa			
5		Hồ Văn Quân		Co		2,87	2,33			Chưa		1.126.166		1.126.166	0				Chưa		Chưa			
6		Hồ Văn Bảy		Co		1,1	0,89			Chưa		430.166		430.166	0				Chưa		Chưa			
7		Hồ Minh Thông		Co		1,3	1,05			Chưa		507.500		507.500	0				Chưa		Chưa			
8		Hồ Văn Vương		Co		6,18	5,01			Chưa		2.421.500		2.421.500	0				Chưa		Chưa			
9		Hồ Văn Hận		Co		1,78	1,44			Chưa		696.000		696.000	0				Chưa		Chưa			
10		Hồ Văn án		Co		1	0,81			Chưa		391.499		391.499	0				Chưa		Chưa			
11		Hồ Văn Quê		Co		1,2	0,97			Chưa		468.833		468.833	0				Chưa		Chưa			
12		Hồ Minh Thi		Co		0,33	0,27			Chưa		130.500		130.500	0				Chưa		Chưa			
13		Hồ Minh Sự		Co		1,84	1,49			Chưa		720.165		720.165	0				Chưa		Chưa			
14		Hồ Văn Tý		Co		1,29	1,05			Chưa		507.499		507.499	0				Chưa		Chưa			
15		Hồ Văn Phong		Co		1,5	1,26			Chưa		609.000		609.000	0				Chưa		Chưa			
16		Hồ Văn Long		Co		1,56	1,26			Chưa		609.000		609.000	0				Chưa		Chưa			
17		Hồ Văn Vũ		Co		1,54	1,25			Chưa		604.166		604.166	0				Chưa		Chưa			
18		Đinh Văn Mái		Hre		0,47	0,38			Chưa		183.666		183.666	0				Chưa		Chưa			
19		Hồ Văn Diệp		Co		1,77	1,44			Chưa		695.999		695.999	0				Chưa		Chưa			
20		Hồ Văn Tin		co		5,39	4,37			Chưa		2.112.166		2.112.166	0				Chưa		Chưa			
21		Hồ Văn Thắng		Co		0,86	0,7			Chưa		338.333		338.333	0				Chưa		Chưa			
22		Hồ Văn Sơn		Co		1,26	1,02			Chưa		493.000		493.000	0				Chưa		Chưa			
23		Hồ Văn Thắng		Co		3,42	2,77			Chưa		1.338.833		1.338.833	0				Chưa		Chưa			

24		Hồ Văn Vương		Co		0,37	0,3			Chưa		145.000		145.000	0				Chưa		Chưa			
25		Hồ Văn Vương (vợ Tháo)		Co		1,28	1,04			Chưa		502.666		502.666	0				Chưa		Chưa			
26		Hồ Văn Đức		Co		1,28	1,04			Chưa		502.666		502.666	0				Chưa		Chưa			
27		Hồ Văn Mác		Co		0,46	0,37			Chưa		178.833		178.833	0				Chưa		Chưa			
28		Hồ Văn Đông		Co		1,35	1,09			Chưa		526.832		526.832	0				Chưa		Chưa			
	Tổng cộng chung hộ gia đình, cá nhân					46,44	37,75					18.197,49		18.197,49	0						Chưa			
	Cộng đồng dân cư thôn		17	Co											0						Chưa			
1		Cộng đồng dân cư thôn Xanh				13,66	11,06			Chưa		5.345.666		5.345.666	0				Chưa		Chưa			
2		Cộng đồng dân cư thôn Nước Biếc				11,58	9,39			Chưa		4.538,50		4.538,50	0				Chưa		Chưa			
3		Cộng đồng dân cư thôn Tre				40,74	33			Chưa		15.950,00		15.950,00	0				Chưa		Chưa			
4		Cộng đồng dân cư thôn Đam				0,1	0,08			Chưa		38.666		38.666	0				Chưa		Chưa			
5		Cộng đồng dân cư thôn Vàng				8,42	6,82			Chưa		3.296.332		3.296.332	0				Chưa		Chưa			
6		Cộng đồng dân cư thôn Tây				42,9	34,75			Chưa		16.795.832		16.795.832	0				Chưa		Chưa			
7		Cộng đồng dân cư thôn Trà Linh				0,99	0,8			Chưa		386,666		386,666	0				Chưa		Chưa			
8		Cộng đồng dân cư thôn Trà Ván				19,89	16,91			Chưa		14.364.234		14.364.234	0				Chưa		Chưa			
9		Cộng đồng dân cư thôn Trà Cưng				5,15	4,17			Chưa		2.015.500		2.015.500	0				Chưa		Chưa			
10		CĐDC Tổ 1, Thôn Cà Đam (Hồ Văn Đức ĐD)				1,98	1,53			Chưa		739.500		739.500	0				Chưa		Chưa			
11		CĐDC Tổ 2, Thôn Trà Ván (Hồ Văn Kiều ĐD)				0,77	0,62			Chưa		299.666		299.666	0				Chưa		Chưa			
12		CĐDC Tổ 4, Thôn Cà Đam (Hồ Sơn Khuyên ĐD)				2,59	2,1			Chưa		1.014.999		1.014.999	0				Chưa		Chưa			

[illegible]